

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2025/HC-PT

Ngày: 15/5/2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 19/2025/TLPT-HC ngày 06/01/2025, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 235/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1337/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Phan Văn M, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1949

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (cùng có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Văn H, sinh năm 1960; Địa chỉ: 6 ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2023, có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bé B; Chức vụ: Phó trưởng phòng Nông nghiệp và môi trường (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Vũ T; Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh L (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành P; Chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Minh H1; Chức vụ Phó Chủ tịch (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S trình bày trong đơn khởi kiện ghi ngày 23/11/2022 và trong quá trình tố tụng như sau:

Qua kết quả thẩm tra xác minh đề ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của UBND huyện Đ cho thấy một phần thửa đất 28, tờ bản đồ số 11 được quản lý và sử dụng bởi ba hộ dân: hộ ông M, ông C và ông S. Ba hộ dân quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, mặc dù chưa có hồ sơ pháp lý. Theo quy định của pháp luật có thể lập và xin cấp hồ sơ pháp lý hợp pháp do không có tranh chấp và trước ngày 15/10/1993. Việc UBND huyện Đ bác yêu cầu khiếu nại của các ông, không xem xét việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật hiện hành; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông.

UBND tỉnh L có kết quả xác minh lấy từ cơ sở của UBND huyện Đ để ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 cũng thừa nhận rằng một phần thửa đất 28, tờ bản đồ số 11 được quản lý và sử dụng bởi hộ ông M, ông C và ông S. Các ông quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay theo Công văn số 188/BC-UBND ngày 11/10/2012 của UBND xã A. Theo luật hoàn toàn đủ điều kiện lập xin cấp hồ sơ pháp lý do không có tranh chấp và trước 15/10/1993.

Việc UBND tỉnh L bác yêu cầu khiếu nại của các ông, không xem xét việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật hiện hành ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông.

Ông M, ông C và ông S khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 7671/QĐ-CT và Quyết định số 7521/QĐ-UBND.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ có ý kiến tại Văn bản số

8306/UBND-NC ngày 10/7/2023 như sau:

1. Về yêu cầu huỷ Quyết định số 7671/QĐ-CT:

Trước năm 1990, phần đất mà hiện nay các ông M, Chúa, S kiến nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc xã H, nay thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ số 11 xã A.

Căn cứ Nghị quyết của Thường vụ huyện ủy về khai thác hết vùng đất bưng hoang của huyện Đ. Năm 1986, UBND huyện Đ có Quyết định số 33/QĐ.UB.86 về việc cấp khu đất bưng hoang cho UBND xã H với diện tích 63.162m², có tứ cận: phía Đông giáp Kinh Sáu, phía Tây giáp đất Nguyễn Văn L, phía Nam tiếp giáp đất Nguyễn Văn D, phía Bắc giáp Kinh T.

Sau khi được UBND huyện cấp khu đất nêu trên, ngày 12/8/1986, UBND xã H ký hợp đồng với ông Võ Quan H2 cho thuê trồng bạch đàn với thời gian 20 năm (kể từ tháng 12/1986) nhưng do canh tác không hiệu quả nên đến năm 1992 ông H2 không còn quản lý, sử dụng khu đất trên nên 03 hộ dân là ông M, ông S, ông C vào lấn chiếm canh tác, sử dụng.

Ngày 19/5/2010, Ban chỉ huy quân sự huyện có Công văn số 72/QSĐH về việc xin cấp đất xây dựng thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang với tổng diện tích 62.625m² thuộc thửa 24, 28 tờ bản đồ số 11 xã A.

Ngày 26/5/2010, huyện ủy Đ có Văn bản số 1767-CV/HU thống nhất đồng ý theo đề nghị của Ban chỉ huy quân sự huyện, giao UBND huyện thực hiện các thủ tục giao đất.

Ngày 24/3/2011, UBND xã A tiến hành lập Biên bản về việc thông báo cho 03 hộ dân gồm hộ ông M, ông S, ông C số đất mà 03 hộ đang canh tác là đất công, đã được giao lại cho Ban Q huấn luyện, đề nghị 03 hộ chấp hành chủ trương của Đảng và Nhà nước, không được sản xuất trên phần đất công này. Ý kiến của 03 hộ dân: đồng ý trả số đất công này lại cho Nhà nước nhưng kiến nghị yêu cầu xem xét hỗ trợ công khai phá.

Đến ngày 04/10/2011, Sở T2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban chỉ huy quân sự huyện Đ với tổng diện tích 60.813m² tại thửa đất số 28 tờ bản đồ số 11 (được hợp thửa từ thửa 28 diện tích 41.098m² và thửa 44 diện tích 21.523m²) đất tọa lạc xã A.

Ngày 31/5/2012, UBND xã A tiến hành lập Biên bản về việc yêu cầu 03 hộ dân ngưng sản xuất trên phần đất đã được giao lại cho Ban Q. Nếu vẫn tiếp tục canh tác sản xuất thì UBND xã A sẽ xử lý theo quy định pháp luật. Ông M không đồng ý ngưng sản xuất vì UBND huyện chưa hỗ trợ công khai phá; ông C đồng ý ngưng sản xuất, giao đất lại cho Ban Q, ông S đồng ý ngưng sản xuất nếu Nhà nước hỗ trợ công khai phá.

Ngày 05/10/2012, UBND huyện Đ có Thông báo số 2991/TB-UBND kết luận cuộc họp giải quyết đất thao trường Ban chỉ huy Quân sự huyện trên địa bàn xã A, trong đó có nội dung: “*Thống nhất theo ý kiến đề xuất của các ngành*

là chỉ xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, không bồi thường quyền sử dụng đất. Nhưng để có cơ sở xem xét hỗ trợ, UBND huyện chỉ đạo: Giao UBND xã A có Văn bản xác nhận thời gian canh tác, sản xuất của hộ dân. Phòng T3 củng cố lại hồ sơ, khẳng định các hộ dân đồng ý đề nghị nhà nước hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, không yêu cầu nhà nước bồi thường quyền sử dụng đất. Sau khi có văn bản báo cáo của UBND xã A và Phòng T3, giao Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp các ngành liên quan tiến hành kê biên thực địa tài sản trên đất, khi kê biên đề nghị hộ dân tự kê khai tài sản trước, đồng thời yêu cầu hộ dân ngừng sản xuất”.

Ngày 11/10/2012, UBND xã A có Văn bản số 188/BC-UBND nội dung: “Qua xác minh các hộ dân sử dụng đất kế cận và các lão nông tri điền ấp H xã A thì nguồn gốc đất là do UBND xã H cấp cho các hộ dân nghèo (trước đây ấp H là của xã H) mỗi hộ khoảng 0,5ha để canh tác nhưng sau đó do canh tác không hiệu quả nên để hoang, vào năm 1986 UBND xã H mới hợp đồng với ông Võ Quan H2 trồng bạch đàn với thời gian là 20 năm nhưng do không hiệu quả nên đến năm 1992 do ông H2 không còn trông coi khu đất trên nên ba hộ dân là Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C vào khai hoang và canh tác đến nay. Nay UBND xã A xác nhận thời gian canh tác của các hộ dân là khoảng năm 1992 đến nay đề nghị UBND huyện Đ cho ý kiến chỉ đạo”.

Ngày 17/10/2012, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp UBND xã A hướng dẫn 03 hộ dân kê khai tài sản trên đất tại thửa 44 tờ bản đồ 11 (thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ 11), đất tọa lạc ấp H, xã A. Cả 03 hộ ông M, C, Sợi không đồng ý kê khai, hiện đang có đơn gửi UBND huyện kiến nghị yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/03/2020, các ông M, Chúa, S có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đang sử dụng.

Ngày 15/6/2020, Chủ tịch UBND huyện Đ có Văn bản số 7611/UBND-TCD về việc trả lời đơn cho các ông M, Chúa, S, đất tọa lạc xã A.

Ngày 30/6/2020, các ông M, Chúa, Sợi tiếp tục có đơn kiến nghị UBND huyện Đ xem xét lại nội dung Công văn số 7611/UBND-TCD ngày 15/06/2020 của Chủ tịch U về việc trả lời đơn của công dân. Bởi vì 03 hộ dân là những người canh tác, sản xuất và sử dụng ổn định một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 60813m² từ năm 1992 đến nay không vi phạm, không tranh chấp với ai.

Ngày 18/9/2020, UBND huyện Đ có Văn bản số 11280/UBND-TCD về việc trả lời đơn cho các ông M, Chúa, S, đất tọa lạc xã A.

Ngày 30/9/2020, các ông M, Chúa, Sợi có đơn khiếu nại Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 và Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020.

Ngày 12/7/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của các ông M, C, S.

Như vậy, việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT là đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật.

2. Về yêu cầu hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị Tòa án liên hệ UBND tỉnh L để được phúc đáp.

UBND huyện Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L có ý kiến tại Công văn 4954/UBND-NCTCD ngày 08/6/2023 như sau:

1. Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất: Giống như UBND huyện Đ đã trình bày.

2. Quá trình giải quyết:

Ngày 15/6/2020, UBND huyện Đ có Công văn số 7611/UBND-TCD trả lời đơn của các hộ như sau: *“Việc ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S xin đăng ký cấp Giấy CNQSD đất tại một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11, xã A là không có cơ sở xem xét giải quyết. Lý do: Thửa số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 60.813m² đã được UBND tỉnh L giao đất và được Sở T2 cấp Giấy CNQSD đất cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ năm 2011”*.

Ngày 18/9/2020, UBND huyện Đ có Công văn số 11280/UBND-TCD trả lời đơn của các hộ dân như sau: *“Việc ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S kiến nghị xin đăng ký cấp Giấy CNQSD đất tại một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An đã được Chủ tịch UBND huyện Đ trả lời tại Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 về việc trả lời đơn của công dân. Vì vậy, UBND huyện Đ không xem xét đối với nội dung đơn của các ông”*.

Ngày 05/10/2020, UBND huyện Đ nhận được đơn của các ông M, Chứa và S khiếu nại Công văn số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Công văn số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của UBND huyện Đ.

Ngày 12/7/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ có Quyết định số 7671/QĐ-UBND với nội dung:

“Giữ nguyên Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời đơn của công dân.

Bác đơn khiếu nại của ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S đối với Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời đơn của công dân.

Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở pháp lý xem xét giải quyết”.

Các hộ nhận quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đ và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Các ông M, C và S cung cấp 02 giấy xác nhận, gồm: Giấy xác nhận lập ngày 11/6/2012 của bà Trương Thị C1 (nguyên Bí thư xã H năm 1986) và Giấy xác nhận của ông Lê Văn N lập ngày 11/6/2012 với nội dung: Trước đây, xã H cấp đất cho 03 hộ, gồm: Ông Trần Văn T1 và con là ông Trần Văn L1 diện tích 1,2ha; bà Nguyễn Thị S1 là con ông Nguyễn Văn S diện tích 0,5ha; ông Nguyễn Văn C diện tích 0,5ha.

Qua kiểm tra hồ sơ, không có giấy tờ UBND xã H cấp đất cho các hộ sử dụng (thời điểm năm 1980) như lời trình bày của 03 hộ dân.

3. Kết quả đối thoại:

Ngày 29/4/2022, Sở T2 được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền đối thoại với các ông M, C và S; qua đối thoại cả 03 ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc khiếu nại của mình là đúng.

4. Kết luận:

Các ông M, Chúa và Sợi khiếu nại Quyết định số 7671/QĐ-UBND là không có cơ sở để xem xét giải quyết (Khiếu nại sai), bởi vì: Đất hoang hóa do Nhà nước quản lý; năm 1986, UBND huyện Đ đã cấp cho UBND xã H (nay là xã A); cùng năm 1986, UBND xã H trồng cây với ông H2, do canh tác không hiệu quả nên năm 1992 ông H2 không sử dụng đất. Năm 2011, UBND tỉnh đã giao đất cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ. Tuy nhiên, năm 1992 các hộ dân đến sử dụng một phần diện tích đất đến nay, gồm ông M sử dụng phần đất diện tích 1,2ha, ông C sử dụng phần đất diện tích 0,5ha và ông S sử dụng phần đất diện tích 0,5ha.

Các hộ trình bày đất nhà nước cấp cho các hộ, nhưng không có giấy tờ chứng minh. Mặt khác, phần đất này hiện đã quy hoạch đất Quốc phòng, do Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ quản lý. Do đó, các ông M, C và Sợi khiếu nại xin được cấp giấy CNQSD đất là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Do đó Quyết định số 7521/QĐ-UBND là có căn cứ. Đề nghị bác đơn khởi kiện của các ông M, ông C và S.

Diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm:

Những người khởi kiện cho rằng những người bị kiện đưa ra căn cứ đất đã cấp cho BCH Quân sự huyện Đ là không đúng, vì những người khởi kiện đã sử dụng đất lâu dài, ổn định, có xác nhận của ông N1, bà C1, bà N. Trường hợp muốn cấp cho BCH quân sự huyện phải có quyết định thu hồi; hơn nữa, BCH Quân sự huyện đã trả đất lại cho UBND huyện thì lý do không cấp đã không còn.

Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện tranh luận xác định Biên bản xác nhận ranh giới mốc giới ngày 24/5/2013 và Mảnh Trích đo địa chính ngày 18/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ là đúng theo thực tế. Vậy thừa đất những người khởi kiện yêu cầu cấp là thửa 28 nhưng theo trích đo là thửa 44 cho nên UBND huyện trả lời đã cấp cho BCH Quân sự là không chính

xác. Phía người bị kiện trình bày thửa 28 xác nhập thửa 44 nhưng người dân thì không biết được điều này. Mặt khác, yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện là trước năm 2022 nhưng đến năm 2022 mới trở thành khu dự án Đầu tư Xây dựng - Kinh doanh kết cấu hạ tầng L - theo xác nhận của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện. Về nguyên tắc BCHQS huyện đã trả đất thì không thể đưa lý do đã cấp nên không cấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 235/2024/HC-ST ngày 19/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính 2015;

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 358 và Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 99, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S đối với Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L về việc “yêu cầu hủy quyết định hành chính”.

Bác khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/201 Chủ tịch UBND huyện Đ về việc không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại xã A, huyện Đ, Long An.

- Hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L giải quyết khiếu nại lần hai về việc không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại xã A, huyện Đ, Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2024, các ông M, C và S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S là người khởi kiện và ông Phan Văn H là người đại diện hợp pháp của các ông M, C, S không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Những người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Ông M cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 USB chứa file ghi âm buổi đối thoại giữa ông và Chủ tịch UBND huyện Đ, cho rằng tại buổi đối thoại này giữa UBND huyện và 03 ông đã không tìm được tiếng nói

chung. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận các đương sự trình bày như sau:

1. Ông H: Ông N (nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã H), bà Trương Thị C1 (nguyên là Bí thư Đảng uỷ xã H) và ông Lê Bá N1 (nguyên là Phó Chủ tịch UBND huyện Đ giai đoạn 1986) và Báo cáo số 188/BC.UBND ngày 11/01/2012 của UBND xã A đều xác định các ông M, Chúa, S được giao đất hợp pháp từ năm 1983. Các ông này sử dụng đất trồng lúa liên tục, ổn định từ năm 1992 đến nay; có đăng ký sử dụng đất năm 2007. Xác định các ông M, C, S không đóng thuế cho Nhà nước vì là thương binh, gia đình có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của 03 ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của 03 ông.

2. Ông M đồng ý với trình bày, yêu cầu của ông H và bổ sung thêm: Gia đình ông có đăng ký đất và năm 1983 thể hiện tại Bản đồ số 01.1986

3. Ông S đồng ý với trình bày, yêu cầu của ông H và bổ sung thêm: Đất giao cho hộ gia đình ông từ 1983, đến năm 1992 ông bắt đầu cùng gia đình sử dụng cho đến nay.

4. Bà B, ông T:

- Việc chiếm hữu đất: Toàn bộ diện tích đất hộ các ông M, Chúa, Sợi có nguồn gốc của Nhà nước giao cho UBND xã H để cải tạo, thể hiện tại Quyết định số 33/QĐ.UB không rõ ngày, tháng 8/1986 của UBND huyện Đ. Xác nhận của các ông bà N, C1, N1 là không có giá trị pháp lý vì không có hồ sơ lưu trữ.

- Việc sử dụng đất:

Sau khi được cấp vào tháng 8/1986, UBND xã ký hợp đồng giao cho ông H2 trồng bạch đàn thời hạn 20 năm; ông H2 sử dụng không hiệu quả, bỏ hoang nên hộ của các ông M, C, S chiếm sử dụng từ 1992; năm 2010 huyện uỷ đồng ý giao cho BCH Quân sự huyện làm thao trường và ngày 04/10/2011 BCH Quân sự huyện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Biên bản làm việc ngày 24/3/2011 của UBND xã, các ông M, C, S thừa nhận là đất của Nhà nước, kiến nghị xem xét hỗ trợ công sức khai phá; Biên bản làm việc ngày 31/5/2012, ông C, ông S đồng ý ngưng sản xuất, giao đất cho BCH Quân sự huyện, đề nghị xem xét hỗ trợ, riêng ông M không đồng ý ngưng sản xuất vì chưa nhận được tiền hỗ trợ.

- Việc đăng ký sử dụng đất: Các ông M, Chúa, S xác định không đăng ký; tại Sổ mục kê năm 2011 thể hiện đất do UBND xã đăng ký.

- Việc quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay toàn bộ diện tích đất này được quy hoạch Dự án đầu tư - kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp L và đã có quyết định kê biên.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông M, C, S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông M, C, S làm trong hạn luật định, đúng hình thức, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về yêu cầu kháng cáo: Toàn bộ diện tích đất hộ các ông M, Chúa, S yêu cầu được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc của Nhà nước giao cho UBND xã H để cải tạo, thể hiện tại Quyết định số 33/QĐ.UB tháng 8/1986 của UBND huyện Đ. Sau khi được cấp vào tháng 8/1986, UBND xã ký hợp đồng giao cho ông H2 trồng bạch đàn thời hạn 20 năm; ông H2 sử dụng không hiệu quả, bỏ hoang nên hộ của các ông M, C, S chiếm sử dụng từ 1992; năm 2010 huyện ủy đồng ý giao cho BCH Quân sự huyện làm thao trường và ngày 04/10/2011 BCH Quân sự huyện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đó vào các ngày 24/3/2011, 31/5/2012 03 ông M, C, S đều thừa nhận đất của Nhà nước, không yêu cầu cấp giấy chứng nhận, chỉ đề nghị hỗ trợ công sức. Các ông M, Chúa, S không đăng ký mà do UBND xã đăng ký theo Sổ mục kê năm 2011. Xác nhận của các ông bà N, C1, N1 là không có giá trị pháp lý vì không có hồ sơ lưu trữ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông M, C, S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S làm trong hạn luật định. Ông C sinh năm 1949 là người cao tuổi; các ông M, S là gia đình có công cách mạng nên được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của các ông này đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Những người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 7671/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành 12/7/2021, có nội dung không chấp nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông M, Chúa, S; đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, toạ lạc xã A, huyện Đ, Long An (Quyết định số 7671); Quyết định số 7521/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành ngày 16/8/2022, có nội dung giải quyết khiếu nại lần thứ hai của các ông C, M, S về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 28 nêu trên (Quyết định số

7521). Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp huyện, tỉnh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và giải quyết khiếu nại. Các ông C, M, S khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 23/11/2022. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, các khoản 3, 4 điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của các ông M, C, S và Quyết định số 7671, Quyết định số 7521, nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định: Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 7671 và Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 7521 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[4.2] Về nội dung Quyết định số 7671, Quyết định số 7521:

[4.2.1] Về việc xác định diện tích, vị trí thửa đất: Căn cứ Mạnh Trích đo địa chính số 119-2024 duyệt ngày 18/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ, thì phần đất mà các ông M, C, S yêu cầu được cấp giấy chứng nhận có diện tích 63.162m², trong đó thửa số 28/41.098m², thửa 44/21.527m², tờ bản đồ số 11, toạ lạc tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

[4.2.2] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng, kê khai đăng ký đất:

Căn cứ vào Quyết định số 33/QĐ.UB tháng 8/1986 của UBND huyện Đ thì có căn cứ để xác định toàn bộ diện tích đất này là đất hoang hoá, năm 1986 UBND huyện Đ đã giao toàn bộ diện tích đất này cho UBND xã H để cải tạo và ngày 12/8/1986 UBND xã H ký hợp đồng cho ông Võ Quan H2 thuê trồng cây bạch đàn với thời hạn 20 năm. Do ông H2 sử dụng không hiệu quả nên năm 1992 các ông M, C, S vào chiếm để sử dụng. Các ông M, C, S cung cấp giấy xác nhận của các ông bà N, Cao, N1 và Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 11/10/2012 để cho rằng năm 1983 UBND xã H đã cấp diện tích đất này cho 03 ông là không có căn cứ để chấp nhận, vì không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên những lời xác nhận này chỉ mang tính chất tham khảo; mặt khác Báo cáo số 188 nêu trên cũng chỉ viện dẫn những “lão nông tri điền”, không có văn bản kèm theo.

Vào năm 2010 huyện ủy Đ đã đồng ý giao cho BCH Quân sự huyện làm thao trường và ngày 04/10/2011 BCH Quân sự huyện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại các Biên bản làm việc ngày 24/3/2011, 31/5/2012 của UBND xã, các ông M, C, S thừa nhận là đất của Nhà nước, đồng ý ngưng canh tác, giao trả đất cho Nhà nước, chỉ kiến nghị xem xét hỗ trợ công sức khai phá, không yêu cầu được cấp giấy chứng nhận.

Theo Sổ mục kê năm 2011 thì diện tích đất này do UBND xã đăng ký.

Như vậy, có căn cứ để xác định toàn bộ diện tích đất này có nguồn gốc của Nhà nước, được UBND huyện Đ giao cho UBND xã H quản lý, sử dụng; UBND xã H là người đăng ký sử dụng; các ông M, Chúa, S có sử dụng đất để trồng lúa từ năm 1992 do lấn chiếm.

[4.2.3] Việc quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay toàn bộ diện tích đất này được quy hoạch Dự án đầu tư - kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp L và đã có quyết định kê biên.

[5] Tại cấp phúc thẩm, ông M có cung cấp 01 USB cho rằng có chứa file ghi âm buổi đối thoại giữa các ông và Chủ tịch UBND huyện Đ, nội dung file ghi âm này thể hiện giữa ông và Chủ tịch UBND huyện Đ không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy, ông S không cung cấp được văn bản trình bày xuất xứ của file ghi âm này; mặt khác theo ông M trình bày thì file ghi âm này thể hiện giữa ông và Chủ tịch UBND huyện Đ không tìm được tiếng nói chung. Do đó, USB này không được xem là chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Tố tụng hành chính.

[6] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy diện tích đất mà các ông M, Chúa, S yêu cầu được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc là đất công; UBND huyện Đ, UBND xã H và UBND tỉnh L (thông qua Sở T2) đã có quá trình quản lý (cho ông H2 thuê, giao cho BCH Quân sự huyện Đ làm thao trường, đơn vị này đã từng được cấp giấy chứng nhận hợp pháp); các ông M, Chúa, S có một thời gian sử dụng đất do lấn chiếm; quá trình sử dụng các ông này không kê khai, đăng ký sử dụng đất; các ông này không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên nội dung Quyết định số 7671 không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông M, Chúa, S và Quyết định số 7521 không chấp nhận khiếu nại của 03 ông, giữ nguyên Quyết định số 7671 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các ông M, C, S là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, các ông M, C, S và người đại diện hợp pháp của các ông này không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của các ông M, C, S là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho các ông M, C, S.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 235/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, các khoản 3, 4 điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S, về việc yêu cầu huỷ các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ, về việc không chấp nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 11, toạ lạc xã A, huyện Đ, Long An;

- Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh L, về việc giải quyết khiếu nại lần thứ hai của các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 28 nêu trên.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa